

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5900187857 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 1993. Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 04 năm 2021.

Vốn điều lệ	19.110.118.355 đồng
Vốn chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2024	19.110.118.355 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 77 Lê Lai, TT Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Điện thoại: +84 (269) 3835364
Mã số thuế: 5 9 0 0 1 8 7 8 5 7

Chủ tịch, Ban giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng của Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

- Ông Từ Tấn Lộc	Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Trần Quốc Trung	Phó Giám đốc
- Bà Trần Trọng Quỳnh Uyên	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Kinh doanh vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) các mặt hàng nông sản và dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp;
- Xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp;
- Tư vấn thiết kế về khai thác gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên, các công trình lâm sinh;
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ báo cáo đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Từ Tấn Lộc
Giám đốc

CHỖ ĐÓNG CHỮ

Số 038/2025/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày cụ thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên lâm nghiệp Kông Chro tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

- Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 016/2025/BCKiTTC-TBD ký ngày 10 tháng 03 năm 2025. Trong đó, điều chỉnh những mục sau đây:

+ Điều chỉnh giảm nguồn kinh phí với số tiền là 27.163 đồng. Do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 27.163 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tăng 10.865 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng 16.298 đồng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc



NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2023-196-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2023-196-1



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 01/01/2024
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.747.243.971	5.224.854.834
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		164.813.946	857.055.936
1. Tiền	111	V.01	164.813.946	857.055.936
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	-	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.222.762.082	1.187.143.784
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	2.676.664.655	1.080.598.154
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.308.710.000	29.597.681
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	237.387.427	76.947.949
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		359.667.943	180.655.114
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	156.076.550	113.343.069
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.11a	203.591.393	67.312.045
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.198.233.387	20.995.984.324
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		172.494.900	172.494.900
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	172.494.900	172.494.900
II. Tài sản cố định	220		2.762.951.583	2.900.469.544
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	2.762.951.583	2.900.469.544
Nguyên giá	222		4.115.434.921	4.133.044.921
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.352.483.338)	(1.232.575.377)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.255.586.904	17.822.403.880
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.08	17.255.586.904	17.822.403.880
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.200.000	100.616.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	7.200.000	100.616.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.945.477.358	26.220.839.158



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

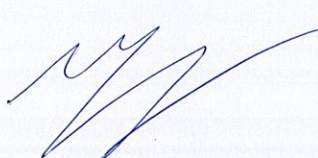
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

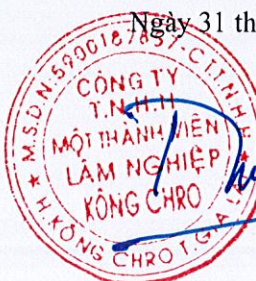
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2024	TẠI NGÀY 01/01/2024
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		5.454.562.317	6.662.533.822
I. Nợ ngắn hạn	310		4.488.284.481	4.376.535.379
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09a	565.901.050	2.695.707.738
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	159.628.848	161.776.230
3. Phải trả người lao động	314	V.12	216.712.656	393.552.457
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	334.488.841	310.539.424
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	2.500.000.000	-
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	711.553.086	814.959.530
II. Nợ dài hạn	330		966.277.836	2.285.998.443
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.09b	870.394.941	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10b	93.324.000	140.308.000
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	2.558.895	2.145.690.443
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.490.915.041	19.558.305.336
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	19.746.272.834	19.712.286.363
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.110.118.355	19.110.118.355
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		636.154.479	602.168.008
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		636.154.479	602.168.008
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(255.357.793)	(153.981.027)
1. Nguồn kinh phí	431	V.18	(255.357.793)	(153.981.027)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.945.477.358	26.220.839.158

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025


Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng


Từ Tấn Lộc
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2024	NĂM 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	10.017.041.001	3.771.181.154
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	7.981.814
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.017.041.001	3.763.199.340
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	7.215.452.247	898.357.548
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.801.588.754	2.864.841.792
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	42.686.070	308.455.069
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	27.852.055	-
- trong đó: chi phí lãi vay	23		27.852.055	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.05	2.158.185.449	2.817.118.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		658.237.320	356.178.365
11. Thu nhập khác	31	VI.06	178.589.608	418.320.451
12. Chi phí khác	32	VI.07	4.147.452	10.554.578
13. Lợi nhuận khác	40		174.442.156	407.765.873
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		832.679.476	763.944.238
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	196.524.997	161.776.230
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		636.154.479	602.168.008

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025



Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Từ Tấn Lộc
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp trực tiếp)

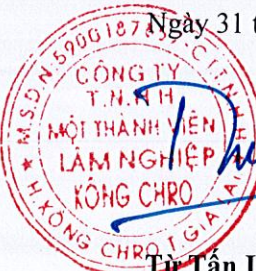
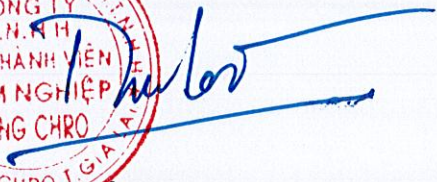
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2024	NĂM 2023
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		8.384.490.500	3.278.771.832
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(7.214.212.349)	(9.542.758.079)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.833.827.386)	(3.323.278.372)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(27.852.055)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(198.672.379)	(62.425.122)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		713.468.061	10.080.515.941
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.246.906.445)	(1.490.624.833)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(6.423.512.053)	(1.059.798.633)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(874.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		188.583.993	184.226.686
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.500.000.000)	(9.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.500.000.000	10.500.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		42.686.070	248.538.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.231.270.063	1.431.891.455
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.500.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.500.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(692.241.990)	372.092.822
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		857.055.936	484.963.114
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		164.813.946	857.055.936

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025


Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Từ Tấn Lộc
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5900187857 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 1993. Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 04 năm 2021.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH MTV

- Vốn điều lệ: 19.110.118.355 VND

- Vốn thực góp: 19.110.118.355 VND

Trụ sở đặt tại: 77 Lê Lai, TT Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Lâm nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Kinh doanh vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) các mặt hàng nông sản và dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp;
- Xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp;
- Tư vấn thiết kế về khai thác gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên, các công trình lâm sinh;
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trên 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên bình quân trong năm là 46 người.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị không có Công ty con, liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Thực tế đích danh

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2024	01/01/2024
- Tiền mặt tại quỹ	8.330.942	47.873.287
Tiền mặt tại quỹ VNĐ	8.330.942	47.873.287
- Tiền gửi ngân hàng VNĐ	156.483.004	809.182.649
Ngân hàng NN & PT Nông thôn Việt Nam - CN Kông Chro	60.332.795	730.910.126
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Gia Lai	39.684.821	46.428.878
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	56.465.388	31.843.645
Tổng cộng	164.813.946	857.055.936
2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2024	01/01/2024
Tiền gửi có kỳ hạn VNĐ (*)		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Gia Lai	-	3.000.000.000
Tổng cộng	-	3.000.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Phải thu khách hàng		31/12/2024	01/01/2024		
a. Ngắn hạn		2.676.664.655	1.080.598.154		
- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Gia Lai		266.440.655	780.598.154		
- Cty TNHH SX Lâm nghiệp Hưng Thịnh		-	300.000.000		
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai		2.410.224.000	-		
Tổng cộng		2.676.664.655	1.080.598.154		
4. Trả trước cho người bán		31/12/2024	01/01/2024		
a. Ngắn hạn					
- Xí nghiệp tư nhân Hưng Thịnh		-	29.597.681		
- Lê Kim Sơn		958.710.000	-		
- Hộ kinh doanh Phan Xuân Thắng		350.000.000	-		
Tổng cộng		1.308.710.000	29.597.681		
5. Các khoản phải thu khác		31/12/2024	01/01/2024		
a. Ngắn hạn		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền lãi dự thu ngân hàng		-		59.925.000	
- Tạm ứng		41.000.000		14.000.000	
- Ông Phạm Văn Tài		38.662.500		-	
- Ông Đào Văn Lịch		80.000.211		-	
- Ông Từ Tấn Hoàng		30.000.000		-	
- Ông Nguyễn Văn Sen		47.724.716		-	
- Phải thu khác		-		3.022.949	
Tổng cộng		237.387.427	-	76.947.949	
b. Dài hạn					
- Phải thu về đầu tư liên kết trồng rừng (b)		172.494.900	-	172.494.900	-
Tổng cộng		172.494.900	-	172.494.900	-
(b) Chi tiết số dư khoản phải thu dài hạn như sau:					
+ Chi phí đầu tư cho các hộ dân về các hợp đồng liên kết trồng rừng					172.494.900
Cộng					172.494.900
6. Chi phí trả trước		31/12/2024	Tăng	Giảm	01/01/2024
a. Ngắn hạn					
Công cụ, dụng cụ phân bổ		156.076.550	176.290.800	133.557.319	113.343.069
Tổng cộng		156.076.550	176.290.800	133.557.319	113.343.069
b. Dài hạn					
Chi phí PA rừng bền vững		7.200.000	-	93.416.000	100.616.000
Tổng cộng		7.200.000	-	93.416.000	100.616.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
- Số dư đầu năm	3.299.841.894	30.690.000	712.513.027	90.000.000	4.133.044.921
- Điều chỉnh tăng	30.200.000	-	-	-	30.200.000
- Điều chỉnh giảm	(47.810.000)	-	-	-	(47.810.000)
Số dư cuối kỳ	3.282.231.894	30.690.000	712.513.027	90.000.000	4.115.434.921
Khấu hao lũy kế					
- Số dư đầu năm	415.583.600	14.478.750	712.513.027	90.000.000	1.232.575.377
- Khấu hao trong kỳ	114.792.961	5.115.000	-	-	119.907.961
Số dư cuối kỳ	530.376.561	19.593.750	712.513.027	90.000.000	1.352.483.338
Giá trị còn lại					
- Số dư đầu năm	2.884.258.294	16.211.250	-	-	2.900.469.544
- Số dư cuối kỳ	2.751.855.333	11.096.250	-	-	2.762.951.583
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn được sử dụng bao gồm:					
		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2024	414.652.894	-	712.513.027	90.000.000	1.217.165.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

8. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Chi phí trồng rừng:				
- Rừng trồng liên kết Hà Thanh 238.2ha 2015	-	-	73.308.150	73.308.150
- Rừng 2015 hợp tác cty	-	-	276.275.000	276.275.000
- Rừng 2016 trồng liên kết Hà Thanh 300.8ha	-	-	124.192.539	124.192.539
- Rừng HTNLD 8ha	-	-	68.662.500	68.662.500
- Rừng 2016 trồng mới 38,5ha	-	-	1.347.072.416	1.347.072.416
- Rừng 2017 Kong Yang	417.982.880	417.982.880	417.982.880	417.982.880
- Rừng 2017 CTy 15.23ha	384.436.588	384.436.588	384.436.588	384.436.588
- Rừng 2018 4,6ha	118.745.685	118.745.685	118.745.685	118.745.685
- Rừng 2019	1.638.427.072	1.638.427.072	2.182.074.363	2.182.074.363
- Rừng 2019 62ha	120.662.000	120.662.000	141.662.000	141.662.000
- Rừng 2020 CTy 30,40 ha	1.076.398.760	1.076.398.760	1.076.398.760	1.076.398.760
- Rừng 2020 hợp tác hộ dân	2.120.570.000	2.120.570.000	1.974.170.000	1.974.170.000
- Rừng 2021 hợp tác hộ dân	772.184.870	772.184.870	717.701.000	717.701.000
- Rừng công ty 151,63ha	4.864.900.000	4.864.900.000	4.864.900.000	4.864.900.000
- Rừng xen canh gỗ lớn 22.34	767.775.900	767.775.900	880.060.000	880.060.000
- Rừng 2021 HT Hà Thanh 73,90ha	33.255.000	33.255.000	-	-
- Rừng 2022 hợp tác hộ dân	536.100.000	536.100.000	443.300.000	443.300.000
- Rừng trồng HT Hà Thanh 139,30	62.058.150	62.058.150	-	-
- Rừng 2023 18.56 ha	504.697.616	504.697.616	912.980.000	912.980.000
- Rừng 2023 6101 ha	1.564.421.884	1.564.421.884	1.128.685.000	1.128.685.000
- Rừng 2023 81.41 ha (75.66)	-	-	34.047.000	34.047.000
- Rừng 2023 HT Hà Thanh 146,9ha	66.105.000	66.105.000	-	-
- Rừng 2023 hợp tác hộ dân	947.343.500	947.343.500	655.750.000	655.750.000
- Rừng 2023 HTHT 25ha	11.250.000	11.250.000	-	-
- Rừng Krắc TL 23,78ha	105.110.000	105.110.000	-	-
- Rừng 2024 Rừng trồng lại SKT 38.5ha	284.918.000	284.918.000	-	-
- R2024M 25,43ha Hà Thanh	109.774.000	109.774.000	-	-
- Rừng 2024 Hà Thanh HT 133,1ha	239.580.000	239.580.000	-	-
- Rừng 2024 hợp tác hộ dân	508.890.000	508.890.000	-	-
Tổng cộng	17.255.586.904	17.255.586.904	17.822.403.880	17.822.403.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

9. Phải trả người bán	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Các hộ dân chăm sóc rừng				
- Cao Xuân Quốc	-	-	384.651.797	384.651.797
- Đinh Đót, Sơn	-	-	366.020.342	366.020.342
- Đào Văn lịch	-	-	125.362.717	125.362.717
- Sơn, Tuấn, Quốc	-	-	67.847.901	67.847.901
- Lê Kim Sơn	-	-	484.464.000	484.464.000
- Phạm Văn Tài	-	-	45.415.813	45.415.813
- Sơn, Tâm, Quốc	-	-	1.367.517	1.367.517
- Đinh Hươu, Lê Kim Sơn	-	-	264.380.651	264.380.651
- Công ty TNHH Vũ Hà	200.000.000	200.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần tư vấn và Xây dựng Thành An	126.321.050	126.321.050	772.813.000	772.813.000
- Cty TNHH sản xuất thương mại BDB Cao Nguyên	239.580.000	239.580.000	-	-
- Công ty TNHH MTV TV TK XD Đại Sơn	-	-	77.940.000	77.940.000
- Công ty TNHH ĐT và XD An Lộc Tiến	-	-	93.052.000	93.052.000
- Công ty TNHH MTV Tư vấn và xây dựng Hoàng Thiên Hà	-	-	2.329.000	2.329.000
- Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Dương Phát	-	-	10.063.000	10.063.000
Tổng cộng	565.901.050	565.901.050	2.695.707.738	2.695.707.738
b. Dài hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các hộ dân chăm sóc rừng				
- Đinh Đót, Sơn	366.020.342	366.020.342	-	-
- Đào Văn lịch	125.362.717	125.362.717	-	-
- Sơn, Tuấn, Quốc	67.847.901	67.847.901	-	-
- Phạm Văn Tài	45.415.813	45.415.813	-	-
- Sơn, Tâm, Quốc	1.367.517	1.367.517	-	-
- Đinh Hươu, Lê Kim Sơn	264.380.651	264.380.651	-	-
Tổng cộng	870.394.941	870.394.941	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. Người mua trả tiền trước

<i>b. Dài hạn</i>	31/12/2024	01/01/2024
- Hộ gia đình Phan Đoàn Trần Hòa	39.600.000	39.600.000
- Hộ gia đình Trương Thị Thu Hiền	27.324.000	27.324.000
- Hộ gia đình Phan Trần Hiền	26.400.000	26.400.000
- Hộ gia đình Trần Thị Tuyết Mai	-	46.984.000
Tổng cộng	93.324.000	140.308.000

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	31/12/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2024
Thuế giá trị gia tăng	-	777.778	777.778	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	159.628.848	196.524.997	198.672.379	161.776.230
Thuế thu nhập cá nhân	(5.854.964)	6.829.964	1.741.043	(10.943.885)
Thuế tài nguyên	(32.916.370)	-	-	(32.916.370)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(17.235.463)	7.072.569	856.242	(23.451.790)
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác	(147.584.596)	198.990.452	346.575.048	-
Tổng cộng	(43.962.545)	413.195.760	551.622.490	94.464.185

a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2024	01/01/2024
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.854.964	10.943.885
Thuế tài nguyên	32.916.370	32.916.370
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	17.235.463	23.451.790
Các loại thuế khác	147.584.596	-
Tổng cộng	203.591.393	67.312.045

b. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	31/12/2024	01/01/2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	159.628.848	161.776.230
Tổng cộng	159.628.848	161.776.230

12. Phải trả công nhân viên

	31/12/2024	01/01/2024
- Phải trả công nhân viên	216.712.656	393.552.457
Tổng cộng	216.712.656	393.552.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

13. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	31/12/2024	01/01/2024
- Thu tiền hộ dân QĐ 38	321.815.120	291.781.200
- Các khoản phải trả khác	12.673.721	18.758.224
Tổng cộng	334.488.841	310.539.424

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
- Chênh lệch khoản ngân sách đầu tư trồng rừng 2014-2015 (*)	-	949.197.641
- Hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH (**)	-	1.195.674.950
- Các khoản phải trả khác	2.558.895	817.852
Tổng cộng	2.558.895	2.145.690.443

(*) Theo Công văn Số 4258/STC-TH ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài chính về việc nộp tiền phải nộp về ngân sách nhà nước còn tồn tại đơn vị, đề nghị Công ty thực hiện nộp trả tiền khai thác gỗ rừng trồng phải nộp về ngân sách từ các năm trước theo văn bản số 180/CV-CT ngày 30/10/2024 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kông Chro với số tiền 806.681.430 đồng. Công ty đã nộp đủ số tiền này trong năm và khoản chênh lệch còn lại là 142.516.211 đồng. Công ty ghi nhận vào khoản thu nhập khác.

Chi tiết số dư khoản Hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
Số phải nộp về Quỹ Bảo vệ và rừng Gia Lai (cv số 698 ngày 19/3/2021)	1.195.674.950	1.195.674.950
Số đã nộp trong năm	(1.195.674.950)	-
Phần còn lại chưa k/c thu nhập của rừng 2014	-	349.440.000
Lợi nhuận dự án FLITCH		
Kết chuyển thu nhập khác của rừng 2014	-	(349.440.000)
Cộng	-	1.195.674.950

(**) Là khoản tiền được hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH. Căn cứ công văn số 698/SNNPTNT-TTr của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai ngày 19/03/2021 về việc thông báo đến các đơn vị là chủ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai nộp trả lại giá trị sản phẩm sau khai thác. Theo đó, số tiền Công ty phải nộp về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Gia Lai là 1.767.531.500 đồng, ngày 11/06/2021 đã nộp 571.856.550, số còn phải nộp là 1.195.674.950 đồng. Năm 2023 toàn bộ diện tích rừng được tài trợ của dự án FLitch đã được khai thác hết, Công ty đã ghi nhận số tiền chênh lệch được hưởng vào thu nhập khác của Công ty với số tiền 349.440.000 đồng. Đến năm 2024 Công ty đã nộp trả tiền hỗ trợ trồng rừng còn lại.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2024	Tăng	Giảm	01/01/2024
Quỹ khen thưởng	390.573.957	229.713.778	280.000.000	440.860.179
Quỹ phúc lợi	320.979.129	173.463.778	226.584.000	374.099.351
Tổng cộng	711.553.086	403.177.556	506.584.000	814.959.530

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

15. Vay và nợ thuê tài chính	Đầu năm		Trong năm		Cuối năm	
	Gía trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Gía trị	Số có khả năng trả nợ
a Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn cá nhân						
- Ông Bùi Văn Tuấn (3*)		-	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Ông Trần Quốc Trung và Bà Trần Thị Dung (4*)		-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	-	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000

(3*) Đây là khoản vay cá nhân với mục đích sử dụng cho hoạt động của Công ty. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 04/11/2024 đến ngày 04/05/2025 với lãi suất 6,8%/năm.

(4*) Đây là khoản vay cá nhân với mục đích sử dụng cho hoạt động của Công ty. Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày 28/10/2024 đến ngày 28/03/2025 với lãi suất 6,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2023	19.110.118.355	87.801.394	-	19.197.919.749
- Lãi trong năm	-	-	602.168.008	602.168.008
- Giảm quỹ đầu tư phát triển theo QĐ 673 QĐ-UBND ngày 8/11/2023 về phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ năm 2022	-	(87.801.394)	87.801.394	-
- Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi theo QĐ 673 QĐ-UBND ngày 8/11/2023 về phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ năm 2022	-	-	(87.801.394)	(87.801.394)
Số dư tại 31/12/2023	19.110.118.355	-	602.168.008	19.712.286.363
- Lãi trong năm	-	-	636.154.479	636.154.479
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(346.927.556)	(346.927.556)
- Trích quỹ khen thưởng VCQL (*)	-	-	(56.250.000)	(56.250.000)
- Lợi nhuận còn lại phải nộp về chủ sở hữu	-	-	(198.990.452)	(198.990.452)
Số dư tại 31/12/2024	19.110.118.355	-	636.154.479	19.746.272.834

* Phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 được phê duyệt theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2023 của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kông Chro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2024	01/01/2024
	19.110.118.355	19.110.118.355
- Vốn đầu tư của nhà nước (UBND tỉnh Gia Lai)		
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2024	Năm 2023
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	19.110.118.355	19.110.118.355
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	19.110.118.355	19.110.118.355
18. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí (*)	Năm 2024	Năm 2023
- Số dư đầu năm	(153.981.027)	(6.112.625.877)
- Tăng trong năm	150.653.040	9.933.000.000
Nguồn kinh phí cấp bù hỗ trợ các Cty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng các năm trước	-	6.105.000.000
Nguồn kinh phí tạm cấp hỗ trợ các Cty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng năm 2023	-	3.795.000.000
Nguồn kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng	5.000.000	-
Nguồn kinh phí được cấp theo QĐ 42	145.653.040	33.000.000
- Giảm trong năm	(252.029.806)	(3.974.355.150)
Chi sự nghiệp nguồn QĐ 42	(248.916.143)	(179.355.150)
Chi sự nghiệp nguồn kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng	(5.000.000)	-
Số không được quyết toán DTTS năm 2023	1.913.500	-
Điều chỉnh nguồn kinh phí	(27.163)	-
Chi sự nghiệp kinh phí hỗ trợ các Cty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng	-	(3.795.000.000)
- Số dư cuối năm	(255.357.793)	(153.981.027)

(*) Năm 2024, Công ty ghi nhận 02 nguồn kinh phí sự nghiệp: Nguồn kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn và kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững

- Nguồn kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn nhận được là số tiền cấp bù của các năm trước (đã quyết toán) là 7.653.040 đồng và được tạm cấp năm 2024 là 138.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận khoản chi là 248.916.143 đồng (chưa quyết toán). Tại ngày 31/12/2024 số chờ quyết toán là 248.916.143 đồng.

- Nguồn kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2024 nhận được là số tiền là 5.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận khoản chi là 5.000.000 (chưa quyết toán). Tại ngày 31/12/2024, số chờ quyết toán là 5.000.000 đồng. Số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại ngày đầu năm là âm 153.981.027 đồng, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại ngày cuối năm là âm 255.357.793 đồng.

Tính hợp lý của các khoản chi phí này phụ thuộc vào quyết toán chính thức của các cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm 2024	Năm 2023
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.017.041.001	3.771.181.154
trong đó:		
Doanh thu bán gỗ rừng trồng	4.116.681.500	2.288.568.000
Doanh thu dịch vụ môi trường rừng	1.079.866.501	1.482.613.154
Doanh thu đặt hàng QLVR	4.820.493.000	
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	7.981.814
Điều chỉnh giảm doanh thu DVMTR năm 2022 theo biên bản làm việc của Quỹ BV và phát triển rừng tỉnh Gia Lai	-	7.981.814
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.017.041.001	3.763.199.340
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn bán gỗ rừng trồng	2.229.676.529	898.357.548
Giá vốn dịch vụ môi trường rừng	286.599.228	-
Giá vốn đặt hàng QLVR	4.699.176.490	-
Tổng cộng	7.215.452.247	898.357.548
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi	42.686.070	308.455.069
Tổng cộng	42.686.070	308.455.069
4. Chi phí tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	27.852.055	-
Tổng cộng	27.852.055	-
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên quản lý	1.372.121.798	1.452.344.456
Chi phí đồ dùng văn phòng	91.476.549	37.366.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.907.961	6.045.706
Thuế, phí và lệ phí	10.072.569	9.216.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.174.346	99.012.226
Chi phí bằng tiền khác	401.432.226	1.213.133.127
Tổng cộng	2.158.185.449	2.817.118.496
6. Thu nhập khác	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	4.830.000
Thu nhập từ HĐ liên danh FLITCH	-	349.440.000
KP quyết định 42 2021	26.324.011	-
Chênh lệch khoản đầu tư trồng rừng 2014-2015	142.516.211	-
Thu nhập khác	9.749.386	64.050.451
Tổng cộng	178.589.608	418.320.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. Chi phí khác	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí khác	4.147.452	10.554.578
Tổng cộng	4.147.452	10.554.578
8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán trước thuế	832.679.476	763.944.238
Cộng các khoản chi phí không được trừ	149.945.511	44.936.912
Thu nhập tính thuế	982.624.987	808.881.150
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tiền thuế TNDN	196.524.997	161.776.230
Chi phí thuế TNDN hiện hành	196.524.997	161.776.230
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân công, nhân viên	8.587.574.045	2.350.702.004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.907.961	6.045.706
Chi phí thuế, phí và lệ phí	10.072.569	9.216.327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.650.895	136.378.880
Chi phí khác bằng tiền	401.432.226	1.213.133.127
Tổng cộng	9.373.637.696	3.715.476.044

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không phát sinh

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan

- Ông Từ Tấn Lộc

- Ông Trần Quốc Trung

- Bà Trần Trọng Quỳnh Uyên

Mối quan hệ

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

3. Thu nhập của các cán bộ quản lý chủ chốt

Thu nhập

Năm 2024	Năm 2023
838.903.800	748.829.200

4. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm 2024 là số liệu báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có sự kiện hoặc điều kiện nào có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

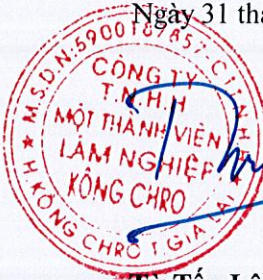
6. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2024 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 31 tháng 03 năm 2025



Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Từ Tấn Lộc
Giám đốc

